

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 94./BC-NHSV

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2021

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH VIỆT NAM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0108268066, thay đổi lần thứ 1 ngày 03/11/2021, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
- Vốn điều lệ: 1.239.000.000.000 đồng (Một nghìn hai trăm ba mươi chín tỷ đồng)
- Địa chỉ: Tầng 9, Tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, 54 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội
- Số điện thoại: (+84 – 24) 3941 3369
- Số fax: (+84 – 24) 3941 0248
- Website: *nhsv.vn*

#### 1.1.1. Quá trình hình thành

- Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt) được thành lập ngày 18/12/2006, theo giấy phép kinh doanh số 0103015053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 đồng.

- Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06/02/2009, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài – Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).



*Handwritten signature*

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19/08/2009, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài – Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).
- Ngày 30/11/2009, Công ty Cổ phần chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần chứng khoán Woori CBV theo Giấy phép số 283/UBCK-GP của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Theo quyết định số 978/QĐ-UBCK ngày 20/10/2017, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 6.365.350 cổ phần (tương ứng 47,15% vốn điều lệ) cho Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH (thành lập tại Hàn Quốc).
- Ngày 02/12/2017, các cổ đông nắm giữ 3,85% cổ phần của công ty đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH (thành lập tại Hàn Quốc).
- Ngày 13/04/2018, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ký giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 124/GP-UBCK về việc đổi tên Công ty thành Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam, tên nước ngoài là NH SECURITIES VIET NAM CO., LTD, tên viết tắt là NHSV.

### 1.1.2. Quá trình phát triển

- Năm 2006, Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (“Woori CBV”) tham gia Hiệp Hội Kinh doanh Chứng khoán Quốc Tế ISITC-IOA và là thành viên đầu tiên của Hiệp hội này tại Việt Nam.
- Năm 2007, Woori CBV cho ra đời Bộ chỉ số CBV – Index. Đây là Bộ chỉ số đầu tiên và lớn nhất về thị trường tài chính tại Việt Nam.
- Từ năm 2008, Woori CBV đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 (Chứng nhận bởi tổ chức quốc tế Bureau Veritas – UKAS của Vương Quốc Anh).
- Tháng 05/2010, Woori CBV bắt đầu triển khai giao dịch chứng khoán trực tuyến trên hệ thống phần mềm mới – Mug Café. Đây là hệ thống giao dịch trực tuyến được nhập khẩu hoàn toàn từ Hàn Quốc; tích hợp hệ thống công nghệ thông tin liên hoàn từ giao dịch mua bán, dịch vụ tài chính, kiểm soát phí đến các hoạt động xử lý sau giao dịch và kế toán cuối cùng.
- Tháng 12/2010, Woori CBV giới thiệu dịch vụ mới: quản lý sổ cổ đông trực tuyến dành cho các tổ chức phát hành và cổ đông.
- Tháng 04/2011, Woori CBV là 01 (một) trong 03 (ba) công ty Chứng khoán được trao tặng danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2010.
- Tháng 03/2013, Woori CBV là công ty chứng khoán duy nhất được trao tặng giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2012.
- Tháng 03/2014, Woori CBV là một trong những công ty chứng khoán được trao tặng danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2013.

- Ngày 07/02/2018, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ký quyết định số 128/QĐ- UBCK về việc chấp thuận cho Công ty cổ phần chứng khoán Woori CBV chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn.

## 1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### 1.2.1. Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán

Tự doanh chứng khoán

Tư vấn và đầu tư chứng khoán

Bảo lãnh và phát hành chứng khoán

1.2.2. Địa bàn kinh doanh: Trên lãnh thổ Việt Nam.

## 1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 1.3.1. Mô hình quản trị:

- Trước ngày 23/04/2021, mô hình quản trị Công ty bao gồm: (i) Hội đồng thành viên; (ii) Ban Tổng giám đốc và (iii) Ban Kiểm soát.

- Ngày 23/04/2021, Chủ sở hữu Công ty thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, theo đó, Công ty chuyển đổi sang mô hình quản trị mới gồm: (i) Hội đồng thành viên và (ii) Ban Tổng giám đốc (mô hình tổ chức quản lý mới không còn Ban Kiểm soát).

### 1.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- **Hội đồng thành viên (“HĐTV”)**: Hội đồng thành viên Công ty nhân danh Chủ sở hữu thực hiện các nghĩa vụ của Chủ sở hữu, trừ các trường hợp pháp luật và Điều lệ công ty quy định khác; nhân danh Công ty thực hiện các quyền của Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

- **Ban Kiểm soát**: Là cơ quan trực thuộc HĐTV có trách nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của HĐTV, Chủ tịch HĐTV và Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu, quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty, đồng thời, kiến nghị Chủ sở hữu Công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐTV và Ban Tổng Giám đốc.

- **Ban Tổng Giám Đốc**: Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam được điều hành bởi Ban Tổng Giám đốc gồm: 01 Tổng Giám Đốc và 02 Phó Tổng Giám Đốc. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm điều hành các công việc hàng ngày và chịu trách nhiệm trước HĐTV về các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các

nhiệm vụ được phân công và chủ động giải quyết các công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

#### **1.4. Định hướng phát triển**

##### **1.4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

NHSV định hướng chiến lược trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực: (i) Dịch vụ ngân hàng đầu tư (Investment Banking) và (ii) Dịch vụ môi giới bán lẻ trên nền tảng hệ thống công nghệ hiện đại, chuyên nghiệp có kiểm soát chặt chẽ về chất lượng và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên dịch vụ, song song với việc cung cấp dịch vụ phân tích chứng khoán và các dịch vụ khác, luôn giữ vững là đối tác hàng đầu tại Việt Nam của các tổ chức tài chính quốc tế.

##### **1.4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Đưa NHSV trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt nam, sánh vai với các tập đoàn tài chính hàng đầu trên thế giới.
- Công ty trân trọng giá trị đích thực – tài sản quý giá nhất của công ty đó là con người.
- Công ty coi lợi ích của khách hàng là ưu tiên hàng đầu; liên tục cải tiến hoạt động trên nhiều phương diện, nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn, dịch vụ với đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong ngành.

##### **1.4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững**

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, tham gia xây các hoạt động từ thiện nhằm chung tay góp sức xây dựng cộng đồng xanh.

#### **1.5. Các rủi ro**

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau:

##### **1.5.1. Rủi ro thị trường**

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.
- Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư.
- Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

a. *Rủi ro lãi suất*: là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của

Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn; các khoản đầu tư trái phiếu; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay; nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

*b. Rủi ro ngoại tệ:* là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán.

*c. Rủi ro về giá chứng khoán:* Các chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư (do các nguyên nhân: thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô, biến động về địa chính trị, dịch bệnh, thiên tai...).

#### 1.5.2. Rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính.

- Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### 1.5.3. Rủi ro thanh khoản

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

- Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

#### 1.5.4. Rủi ro hoạt động

- Rủi ro hoạt động bao gồm rủi ro tuân thủ và rủi ro hệ thống:

*a. Rủi ro tuân thủ:* xảy ra trong trường hợp Công ty và/ hoặc nhân viên của Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ như vi phạm Điều lệ Công ty, Quy trình nghiệp vụ, Quy chế và các quy định về Đạo đức nghề nghiệp. Việc không tuân thủ có thể dẫn đến Công ty phải chịu các rủi ro liên quan về mặt pháp lý, tài chính, ảnh hưởng đến danh tiếng và hoạt động kinh doanh của Công ty.

*b. Rủi ro hệ thống:* là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống khiến cho việc thực hiện nghiệp vụ của nhân viên, việc giao dịch của Nhà đầu tư gặp sự cố, không thực hiện được, hoặc thực hiện không đầy đủ, chính xác.

#### 1.5.5. Rủi ro pháp lý

- Rủi ro pháp lý bao gồm các rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Rủi ro pháp lý xảy ra từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

- Rủi ro pháp lý rất khó đo lường và tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 2.1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Tính đến thời điểm 31/12/2021, Công ty đã ghi nhận:

- Doanh thu hoạt động và thu nhập khác đạt 236.828.613.701 đồng, tăng trưởng 60,62% so với năm 2020;
- Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 69.906.208.478 đồng, tăng trưởng 229,58% so với năm 2020;
- Tổng tài sản ở mức 2.493.797.831.690 đồng, giảm -4,35% so với năm 2020.

#### 2.1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Sự tăng trưởng của doanh thu và lợi nhuận đạt được trong năm chủ yếu đến từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), doanh thu cho vay margin, doanh thu môi giới chứng khoán của năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2021 là 166,92 tỷ (tăng 32,27% so với cùng kỳ năm 2020) do Công ty đang trong quá trình phát triển mở rộng hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu do tốc độ tăng của doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng chi phí.

### 2.2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm	Ghi chú
1	Ông Lee Jin Hwan	Tổng Giám Đốc	Từ 01/01/2020 đến nay	Cử nhân Quản trị kinh doanh (Đại học Yonsei, Hàn Quốc)

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

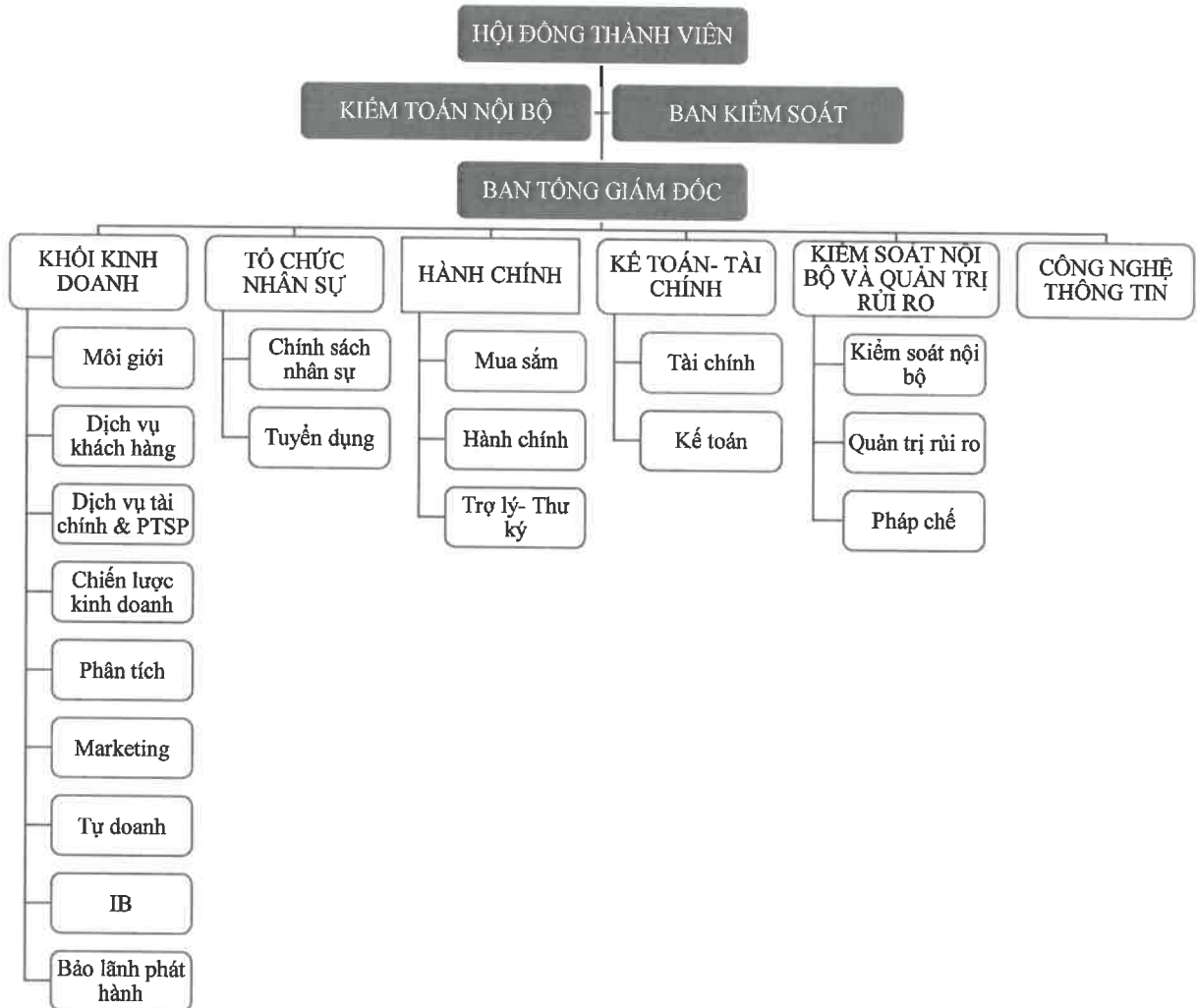
2	Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Chứng khoán phái sinh	Từ 23/04/2021 đến nay	Cử nhân kinh tế (Đại học thương mại)
3	Ông Nguyễn Văn Quang	Quyền Phó Tổng Giám đốc	Từ 06/04/2015 đến nay	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Đại học James Cook, Úc)
4	Bà Nguyễn Thị Vân	Kế toán trưởng	Từ 17/01/2019 đến nay	Cử nhân kinh tế (Học viện tài chính)

2.2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Đối tượng	Họ và tên/ Chức danh đầu kỳ	Họ và tên/ Chức danh cuối kỳ	Ngày thay đổi
1	Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Không	Ông Nguyễn Ngọc Dũng Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Chứng khoán phái sinh	23/04/2021

2.2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tính đến ngày 31/12/2021, số lượng nhân viên toàn Công ty là 78 người.
- Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành.
- Cơ cấu tổ chức nhân sự:



### 2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Trong năm 2021, Công ty vẫn duy trì tỷ trọng khá lớn đầu tư vào các sản phẩm tài chính ngắn hạn ít rủi ro và không đầu tư vào tài sản tài chính dài hạn.

- Đến thời điểm 31/12/2021, khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn: 1.235.000.000.000 đồng (chủ yếu là tiền gửi 12 tháng tại các ngân hàng cổ phần lớn, ít rủi ro), các khoản cho vay margin dư nợ tới thời điểm 31/12/2021 duy trì ở mức 1.067.983.368.976 đồng.

- Tình hình triển khai dự án mới: Không.

*Handwritten signature in blue ink.*



**2.4. Tình hình tài chính****2.4.1. Tình hình tài chính**

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.607.317.115.494	2.493.797.831.690	-4,35
Doanh thu thuần	147.283.621.957	236.768.015.625	60,76
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.082.440.157	69.845.610.402	231,3
Lợi nhuận khác	128.566.714	60.598.076	52,87
Lợi nhuận trước thuế	21.211.006.871	69.906.208.478	229,58
Lợi nhuận sau thuế	20.543.939.127	56.517.351.728	175,10

**2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	2,01	1,84	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,01	1,84	Lần
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,49	0,53	Lần
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,95	1,13	Lần
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	0,09	0,07	Vòng

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	23,87	13,95	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	4,42	1,68	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	2,27	0,79	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	29,50	14,31	%

**2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu****2.5.1. Cơ cấu cổ đông**

STT	Tên tổ chức	Quốc tịch	Số vốn góp (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ
1	Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH	Hàn Quốc	1.239.000.000.000	100%

**2.5.2. Tình hình thay đổi vốn điều lệ**

Ngày	Vốn điều lệ (đồng)	Số giấy phép
28/12/2006	25.000.000.000	43/UBCK-GPHĐKD
03/03/2008	100.000.000.000	109/UBCK-GPĐCCTCK
10/03/2009	135.000.000.000	201/UBCK-GP
13/04/2018	735.000.000.000	124/GP-UBCK
26/01/2021	1.239.000.000.000	02/GPĐC-UBCK

**2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty****2.6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

**2.6.2. Chính sách liên quan đến người lao động**

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Tính đến ngày 31/12/2021, số lượng nhân viên toàn Công ty là 78 người với mức lương trung bình từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/ tháng/ nhân viên.

- Nhân viên làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ mọi chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật liên quan nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi.

- Mỗi nhân viên tại Công ty được cung cấp chuỗi các chương trình đào tạo ngay từ khi gia nhập, bao gồm: đào tạo hội nhập (giới thiệu tổng quan về Công ty, văn hóa Công ty, hướng dẫn phương tiện và điều kiện làm việc...); đào tạo bắt buộc theo quy định của các Cơ quan chức năng và các khóa huấn luyện về kỹ năng nghiệp vụ mang tính ứng dụng cao giúp nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt trong quá trình làm việc.

- Theo thống kê, số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 12 giờ/ nhân viên.

### 2.6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty tích cực tham gia hoạt động từ thiện, ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh Covid - 19, kêu gọi và khuyến khích nhân viên tham gia vào các công tác xã hội và các hoạt động từ thiện, dành thời gian và kinh nghiệm để hỗ trợ cho các tổ chức xã hội vì cộng đồng và các tổ chức tình nguyện.

### 2.6.4. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 3.1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2021
1. Doanh thu	1	147.283.621.957	236.768.015.625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	147.283.621.957	236.768.015.625
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	94.630.040.774	123.137.127.482
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20	52.653.581.183	113.630.888.143
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31.571.141.026	43.785.277.741
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	21.082.440.157	69.845.610.402

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2021
8. Thu nhập khác	31	163.474.508	60.598.076
9. Chi phí khác	32	34.907.794	-
10. Lợi nhuận khác	40	128.566.714	60.598.076
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21.211.006.871	69.906.208.478
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	-	13.089.591.843
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	667.067.744	299.264.907
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	20.543.939.127	56.517.351.728

### 3.1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Hơn mười năm có mặt trên thị trường chứng khoán, Công ty đã tích lũy được các giá trị cần thiết để xây dựng một nền tảng hoạt động vững vàng. Thay vì chạy đua cạnh tranh để nhanh chóng tạo thị phần nhưng dễ đối diện với rủi ro, Công ty chọn hướng cạnh tranh theo chiều sâu.

- Từ số vốn điều lệ 25.000.000.000 đồng năm 2006, đến 31/12/2021 năng lực tài chính của Công ty đã được nâng cao với quy mô vốn điều lệ ở mức 1.239.000.000.000 đồng, tương ứng với mức tổng tài sản 2.493.797.831.690 đồng.

- Các quy trình nghiệp vụ được cải tiến theo hướng hoàn thiện hơn, khiến chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao, đồng thời giúp Công ty kiểm soát rủi ro tốt hơn. Trong năm 2021, Công ty không phát sinh thêm khoản nợ xấu nào.

- Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được nâng cấp liên tục đảm bảo phục vụ tốt nhất các hoạt động của khách hàng.

- Xây dựng được văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật.

- Với cơ cấu tài chính lành mạnh, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình với khách hàng, đối tác và nhà đầu tư, chi phí vận hành được kiểm soát chặt chẽ.

### 3.2. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2020	Năm 2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.546.399.951.101</b>	<b>2.438.177.467.070</b>
<b>I. Tài sản tài chính (110 = 111 -&gt; 129)</b>	<b>110</b>		<b>2.545.188.610.642</b>	<b>2.436.453.256.415</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7.1	504.917.620.357	83.889.044.845
1.1. Tiền	111.1		504.917.620.357	83.889.044.845
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.3.2	822.392.030	301.045.250
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.3.3	1.583.900.000.000	1.235.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7.3.4	410.844.875.863	1.081.014.182.334
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(7.481.622.671)	(7.481.622.671)
7. Các khoản phải thu	117	7.5.2	52.175.667.231	41.962.374.311
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		52.175.667.231	41.962.374.311
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		52.175.667.231	41.962.374.311
8. Trả trước cho người bán	118	7.5.8	1.575.000	1.767.398.008

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2020	Năm 2021
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.5.5	852.832	584.338
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122	7.5.7	7.250.000	250.000
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.6		
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>1.211.340.459</b>	<b>1.724.210.655</b>
1. Tạm ứng	131		-	-
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132	7.7	176.000.000	11.182.600
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.8.a	638.591.285	1.346.740.071
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	-
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		248.182.257	217.721.067
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	7.30.b	148.566.917	148.566.917
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>60.917.164.393</b>	<b>55.620.364.620</b>

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2020	Năm 2021
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>55.430.031.190</b>	<b>49.326.867.840</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.11	10.577.399.572	8.612.546.063
- Nguyên giá	222		18.012.798.274	18.012.798.274
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(7.435.398.702)	(9.400.252.211)
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226a			

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2020	Năm 2021
- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>7.12</b>	<b>44.852.631.618</b>	<b>40.714.321.777</b>
- Nguyên giá	228		69.234.079.214	71.218.114.214
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(24.381.447.596)	(30.503.792.437)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a		-	-
- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>	<b>7.12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>5.487.133.203</b>	<b>6.293.496.780</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.406.868.600	2.152.634.600
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.8.b	1.790.933.809	1.322.794.197
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	7.9	748.162.267	448.897.360
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.1	1.541.168.527	2.369.170.623
5. Tài sản dài hạn khác	255		-	-



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2020	Năm 2021
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.607.317.115.494</b>	<b>2.493.797.831.690</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>1.385.403.657.178</b>	<b>1.215.367.021.646</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.385.403.657.178</b>	<b>1.215.367.021.646</b>
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	7.37	1.376.533.000.000	1.187.760.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		1.376.533.000.000	1.187.760.000.000
1.2. Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cầu phần nợ	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	45.245.013
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.34	766.450.929	3.136.446.526
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2020	Năm 2021
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.30a	2.045.814.687	13.700.910.116
11. Phải trả người lao động	323		1.294.407.689	2.909.213.691
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.32	4.753.663.073	5.401.400.775
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	7.38	10.320.800	13.805.525
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	2.400.000.000
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		-	-
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	341		-	-
1.1. Vay dài hạn	342		-	-
1.2. Nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	343		-	-

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2020	Năm 2021
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ	345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư	355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2020	Năm 2021
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>1.221.913.458.316</b>	<b>1.278.430.810.044</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.221.913.458.316</b>	<b>1.278.430.810.044</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	7.43	1.239.000.000.000	1.239.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.239.000.000.000	1.239.000.000.000
a. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1a		1.239.000.000.000	1.239.000.000.000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	411.3		-	-
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		-	-
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	414		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		113.649.448	113.649.448
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		113.649.448	113.649.448
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.44	(17.313.840.580)	39.203.511.148

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2020	Năm 2021
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(17.244.370.735)	39.175.415.791
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(69.469.845)	28.095.357
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>2.607.317.115.494</b>	<b>2.493.797.831.690</b>

**3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình nội bộ.
- Tăng cường công tác quản lý và sự phối hợp giữa các bộ phận, phòng ban trong Công ty.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức tuân thủ của nhân viên làm việc trong Công ty.

**3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- 3.4.1. Ngắn hạn: Tiếp tục nâng cấp hạ tầng cơ sở công nghệ, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm, tiếp tục củng cố và phát triển thương hiệu để tăng thị phần và doanh thu, tiến tới chiếm lĩnh vị trí những doanh nghiệp dẫn đầu ngành.
- 3.4.2. Trung và dài hạn: Mở thêm chi nhánh, tăng vốn điều lệ công ty, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, cải thiện nguồn vốn kinh doanh nhằm mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính chất lượng hàng đầu với phong cách chuyên nghiệp và tận tâm, liên tục cải tiến trên mọi phương diện để đưa công ty dần dần thị trường với định hướng toàn cầu.

**IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY****4.1. Hội đồng thành viên****4.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng thành viên**

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Đại diện phần vốn góp của CSH
1	Ông Kim Hong Wook	Chủ tịch HĐQT	28/01/2021	50%
2	Ông Kim Jong Seok	Thành viên HĐQT	28/01/2021	25%
3	Ông Lee Jin Hwan	Thành viên HĐQT	01/01/2020	25%

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

4.1.2. Hoạt động của Hội đồng thành viên

## a. Các cuộc họp Hội đồng thành viên

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Kim Hong Wook	05	100%	Không
2	Ông Kim Jong Seok	05	100%	Không
3	Ông Lee Jin Hwan	05	100%	Không

## b. Các nghị quyết/ quyết định của Hội đồng thành viên

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	643/2021/NQ-NHSV-HĐTV	28/01/2021	(i) Thực thi Quyết định của Chủ sở hữu về việc thay đổi thành viên HĐQT (ii) Thông qua Chính sách rủi ro năm 2021	100%
2	644/2021/NQ-NHSV-HĐTV	28/01/2021	Thực thi Quyết định của Chủ sở hữu liên quan đến vấn đề vay nợ và sử dụng vốn vay	100%
3	645/2021/NQ-NHSV-HĐTV	28/01/2021	Thông qua Hợp đồng nguyên tắc và các vấn đề liên quan đến giao dịch mua bán chứng khoán lô lẻ giữa Công ty với Chủ sở hữu	100%
4	723/2021/NQ-NHSV-HĐTV	23/04/2021	(i) Thực thi Quyết định của Chủ sở hữu thông qua việc Công ty thực hiện kinh doanh chứng khoán phái sinh (ii) Thực thi Quyết định của Chủ sở hữu thông qua việc Công ty thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh với tư cách là thành viên bù trừ chung	100%
5	724/2021/NQ-NHSV-HĐTV	23/04/2021	(i) Thực thi Quyết định của Chủ sở hữu thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý	100%

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			(ii) Thực thi Quyết định của Chủ sở hữu miễn nhiệm tất cả các thành viên Ban kiểm soát (iii) Thực thi Quyết định của Chủ sở hữu thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (iv) Giải thể Bộ phận Kiểm toán nội bộ và miễn nhiệm chức danh Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ	
6	725/2021/NQ-NHSV-HĐTV	23/04/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	100%
7	779/2021/NQ-NHSV-HĐTV	28/06/2021	Thực thi quyết định của Chủ sở hữu về việc chọn công ty kiểm toán độc lập kể từ năm 2021	100%
8	810/2021/NQ-NHSV-HĐTV	23/07/2021	Thông qua việc vay vốn với ngân hàng Nonghyup để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	100%
9	819/NQ-NHSV-HĐTV	02/08/2021	Thực thi Quyết định của Chủ sở hữu thông qua việc đăng ký doanh nghiệp cho Công ty	100%

**4.2. Ban Kiểm soát****4.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS		Trình độ chuyên môn
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm (*)	
1	Bà Vũ Thị Diệu Hằng	Trưởng ban	29/01/2019	23/04/2021	Cử nhân
2	Ông Song Chiyeol	Thành viên	29/07/2019	23/04/2021	Cử nhân
3	Ông Đinh Ngọc Bằng	Thành viên	29/01/2019	23/04/2021	Cử nhân

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(\*) Ngày 23 tháng 04 năm 2021, Chủ sở hữu Công ty thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, cụ thể như sau: Công ty chuyển đổi từ mô hình gồm: (i) Hội đồng thành viên; (ii) Ban Tổng giám đốc và (iii) Ban Kiểm soát sang mô hình mới gồm: (i) Hội đồng thành viên và (ii) Ban Tổng giám đốc (mô hình tổ chức quản lý mới không còn Ban Kiểm soát).

### 4.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Vũ Thị Diệu Hằng	01	100%	100%	Không
2	Ông Song Chiyeol	01	100%	100%	Không
3	Ông Đinh Ngọc Bằng	01	100%	100%	Không

### 4.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Tiền lương, thù lao của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021: 13.893.547.109 đồng.

## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 5.1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2021: Chấp nhận toàn phần.

### 5.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Tài liệu đính kèm.

UQ. ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC CHIẾN LƯỢC  
*Kim Jong Seok*